| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 413 /TB-UBND | *Hà Nam, ngày 31 tháng 08 năm 2026* |

# THÔNG BÁO
## Danh mục thông tin phải được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện trên địa bàn xã Hà Nam

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Kế hoạch số 260/KH-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của UBND xã về triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn xã Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2026 của UBND xã về phân công đơn vị đầu mối cung cấp thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn xã Hà Nam;

UBND xã Hà Nam thông báo Danh mục nhóm thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 337/2026/NĐ-CP *(có các Phụ lục kèm theo),* cụ thể như sau:

**1. Phạm vi và nguyên tắc tiếp cận thông tin**

1.1. Công dân được tiếp cận thông tin do UBND xã Hà Nam và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã tạo ra hoặc lưu giữ, trừ thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật.

1.2. Việc công khai, cung cấp thông tin phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch và thuận lợi cho công dân; đồng thời bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

1.3. Danh mục thông tin phải được công khai và danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện được ban hành kèm theo Thông báo này tại Phụ lục I và Phụ lục II. Phụ lục I kèm theo Thông báo này xác định các nhóm thông tin phải được công khai, căn cứ pháp lý, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn và đơn vị chủ trì thực hiện; Phụ lục II xác định các nhóm thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện. Danh mục thông tin phải được công khai đối với từng văn bản, hồ sơ, tài liệu cụ thể được Văn phòng HĐND và UBND xã lập, cập nhật và công khai theo Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể hơn về nội dung, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai hoặc điều kiện tiếp cận thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

**2. Thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin được tiếp cận có điều kiện**

2.1. Thông tin thuộc trường hợp công dân không được tiếp cận thì không cung cấp. Việc xác định thông tin thuộc quy định hạn chế tiếp cận phải có căn cứ, đúng thẩm quyền và thực hiện theo quy định của pháp luật. Đối với thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện, cơ quan, đơn vị được giao xử lý có trách nhiệm kiểm tra điều kiện tiếp cận và chỉ cung cấp thông tin khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định.

2.2. Trường hợp tài liệu có cả phần được tiếp cận và phần không được tiếp cận hoặc chưa đủ điều kiện tiếp cận, đơn vị quản lý hồ sơ thực hiện tách, che hoặc loại bỏ phần không được cung cấp và cung cấp phần còn lại nếu vẫn bảo đảm ý nghĩa sử dụng. Trường hợp thật sự cần thiết phải cung cấp thông tin để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng mà pháp luật cho phép không cần sự đồng ý của chủ thể thông tin, đơn vị chuyên môn chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã tham mưu Chủ tịch UBND xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

**3. Công khai thông tin**

3.1. Thông tin thuộc diện phải công khai được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc kênh thông tin chính thức của xã và được công khai bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Đối với nội dung cần niêm yết, thông báo rộng rãi hoặc công khai tại địa bàn dân cư, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức thực hiện theo quy định.

3.2. Thời điểm công khai thực hiện theo pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật chưa quy định thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin. Đối với thông tin niêm yết mà pháp luật chưa quy định cụ thể địa điểm, thời hạn thì niêm yết tại trụ sở UBND xã hoặc địa điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời hạn ít nhất 30 ngày.

3.3. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tại Phụ lục I chịu trách nhiệm rà soát nội dung, hình thức và thời điểm công khai; bảo đảm thông tin được công khai đúng quy định và không làm lộ thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc chưa đủ điều kiện tiếp cận.

**4. Tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin**

4.1. Văn phòng HĐND và UBND xã là đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; hướng dẫn, theo dõi và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giải quyết theo quy định.

4.2. Công dân gửi yêu cầu cung cấp thông tin trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định. Việc tiếp nhận, hướng dẫn và cung cấp thông tin được thực hiện bảo đảm thuận tiện, đúng trình tự, thủ tục.

4.3. Việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin phải

trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. Trường hợp thông tin đã công khai hoặc cung cấp chưa chính xác, chưa đầy đủ, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kịp thời kiểm tra, đính chính, bổ sung theo quy định.

**5. Tổ chức thực hiện**

5.1. Giao Văn phòng HĐND và UBND xã làm đầu mối cung cấp thông tin; chủ trì tham mưu UBND xã lập, quản lý, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai đối với từng văn bản, hồ sơ, tài liệu cụ thể theo Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP; công khai thông tin về đầu mối tiếp nhận yêu cầu; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu UBND xã xử lý các vấn đề phát sinh.

5.2. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị, tổ chức hành chính thuộc xã có trách nhiệm rà soát, xác định thông tin do mình tạo ra, lưu giữ thuộc diện phải công khai theo Phụ lục I; chuyển thông tin và các dữ liệu cần thiết đến Văn phòng HĐND và UBND xã để lập, cập nhật Danh mục theo Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP; đồng thời chủ động thực hiện công khai theo thẩm quyền, thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc tiếp cận có điều kiện và phối hợp giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin của công dân theo quy định.

5.3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông báo này và các Phụ lục kèm theo; chủ động rà soát, đề xuất cập nhật danh mục thông tin khi có thay đổi. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND xã *(qua Văn phòng HĐND và UBND xã)* để tổng hợp, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo.

UBND xã Hà Nam thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan biết, thực hiện./.

***Nơi nhận:***
- Sở Tư pháp (để b/c);
- TT. Đảng ủy, TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Các Thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Nguyễn Thị Huệ**

# PHỤ LỤC I
# DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI

*(Kèm theo Thông báo số 413 /TB-UBND ngày 31/8/2026 của UBND xã Hà Nam)*

Phụ lục này dùng để xác định nhóm thông tin thuộc diện phải công khai và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của UBND xã Hà Nam. Danh mục đối với từng văn bản, hồ sơ, tài liệu cụ thể được lập, cập nhật theo Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể hơn thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

| STT | Loại thông tin | Nội dung thông tin phải công khai | Căn cứ pháp lý | Hình thức công khai | Thời điểm, hạn thời | Đơn vị chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển; báo cáo; dữ liệu thống kê | Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; báo cáo công tác định kỳ; cơ sở dữ liệu, thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý. | Điểm a khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng Trang thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết khi cần hoặc khi pháp luật quy định. | Theo pháp luật chuyên ngành; nếu chưa quy định thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin. | Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì tổng hợp; các đơn vị chuyên môn phối hợp. |
| 2 | Văn bản, thủ tục hành chính; lấy ý kiến Nhân dân | Văn bản QPPL, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; TTHC, quy trình giải quyết công việc; hồ sơ dự thảo VBQPPL; nội dung, kết quả lấy ý kiến Nhân dân; đề án, dự thảo đề án về đơn vị hành chính; thông tin phổ biến, hướng dẫn pháp luật, chế độ, | Điểm b khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng Trang thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đối với | Theo pháp luật chuyên ngành; cập nhật khi có thay đổi. | Đơn vị tham mưu/soạn thảo chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | chính sách thuộc phạm vi quản lý. | | TTHC; lấy ý kiến theo hình thức pháp luật quy định. | | |
| 3 | Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy; cán bộ, công chức | Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; nhiệm vụ, quyền hạn của người trực tiếp giải quyết công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ và kết quả thực hiện. | Điểm c khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng Trang thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã, niêm yết đối với nội dung cần niêm yết. | Theo pháp luật chuyên ngành; nếu chưa quy định thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin. | Văn phòng HĐND và UBND xã; Phòng Văn hóa - Xã hội. |
| 4 | Ngân sách và tài chính công | Dự toán, tình hình thực hiện dự toán, quyết toán NSNN; báo cáo tài chính năm; các khoản hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho người dân; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (nếu có); thủ tục NSNN; thông tin về thuế, phí, lệ phí. | Điểm d khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử của xã; niêm yết khi pháp luật quy định. | Theo pháp luật ngân sách, tài chính. | Phòng Kinh tế |
| 5 | Hỗ trợ, viện trợ, cứu trợ, trợ cấp và đóng góp | Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng ODA, viện trợ phi chính phủ (nếu có); cứu trợ, trợ cấp xã hội; các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ thuộc phạm vi quản lý. | Điểm đ khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng Trang thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết tại trụ sở hoặc theo quy định. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Đơn vị chuyên môn theo lĩnh vực chủ trì. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp | Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá, xếp loại; giám sát, công khai tài chính và tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước khi phát sinh thuộc phạm vi quản lý. | Điểm e khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã khi phát sinh; hoặc theo hình thức khác theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Kinh tế |
| 7 | Tài sản công, đầu tư công, mua sắm công | Tài sản công; bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công hoặc kinh phí huy động hợp pháp; danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công; quản lý vốn và kết quả thực hiện; dự án đầu tư kinh doanh; kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung phải công khai khác. | Điểm g khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử của xã; niêm yết khi pháp luật quy định. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Kinh tế |
| 8 | Thanh tra, kiểm toán; phòng, chống tham nhũng, lãng phí | Kết luận thanh tra; báo cáo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; báo cáo kiểm toán và kết quả thực hiện kiến nghị (nếu có); chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí; báo cáo kết quả và xử lý hành vi gây lãng phí. | Điểm h khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết hoặc hình thức khác theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Đơn vị được giao chủ trì theo lĩnh vực. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | Xử phạt vi phạm hành chính có hậu quả lớn hoặc ảnh hưởng xấu dư luận | Thông tin xử phạt VPHC thuộc các lĩnh vực được Luật liệt kê khi gây hậu quả lớn hoặc ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội; thông tin về người sử dụng lao động chậm đóng, trốn đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. | Điểm i khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết hoặc hình thức khác theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật xử lý VPHC và pháp luật liên quan. | Đơn vị chuyên môn thụ lý vụ việc chủ trì; |
| 10 | Quy hoạch | Thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, vùng, tỉnh, ngành, đô thị và nông thôn, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong phạm vi liên quan đến địa bàn xã. | Điểm k khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết hoặc công khai theo quy định pháp luật | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Kinh tế |
| 11 | Kế hoạch sử dụng đất và thông tin đất đai | Kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; kết quả điều tra, đánh giá đất đai; quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; mốc giới sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn. | Điểm l khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết tại trụ sở, địa điểm sinh hoạt chung hoặc địa điểm theo quy định pháp luật đất đai. | Theo pháp luật đất đai. | Phòng Kinh tế |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Nhà ở | Các thông tin về dự án, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; chất lượng nhà chung cư; cải tạo, xây dựng lại; nhà ở công vụ, nhà ở xã hội và nội dung khác thuộc diện công khai khi phát sinh trên địa bàn. | Điểm m khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Đăng Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết hoặc hình thức theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Kinh tế |
| 13 | Sản phẩm, dịch vụ ảnh hưởng sức khỏe - môi trường và y tế | Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, giám sát về môi trường, sức khỏe cộng đồng, ATTP, ATLĐ; an toàn hóa chất; thông tin về cơ sở khám, chữa bệnh thuộc diện phải công khai. | Điểm n khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết, thông báo tại địa bàn hoặc phương tiện thông tin đại chúng theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật chuyên ngành; công khai kịp thời khi cần cảnh báo. | Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 14 | Giáo dục | Thông tin chung về cơ sở giáo dục; thu, chi tài chính; điều kiện bảo đảm chất lượng; kế hoạch, kết quả hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý. | Điểm o khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết tại cơ sở giáo dục theo quy định. | Theo pháp luật giáo dục. | Phòng Văn hóa - Xã hội |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Môi trường | Chất lượng, ô nhiễm, sự cố môi trường; kế hoạch ứng phó; nguồn thải, nguy cơ sự cố; báo cáo ĐTM, giấy phép môi trường; di sản thiên nhiên, hệ sinh thái, khu bảo tồn; kết quả quan trắc liên quan địa bàn (nếu có). | Điểm p khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Đăng Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; thông báo tại địa bàn, niêm yết hoặc theo pháp luật chuyên ngành. | Theo pháp luật chuyên ngành; công khai kịp thời khi cần cảnh báo. | Phòng Kinh tế |
| 16 | Di sản văn hóa | Danh mục, danh sách di sản văn hóa; nội dung bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đã được phê duyệt, công bố tại địa phương có di tích. | Điểm q khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã niêm yết tại di tích, địa điểm công cộng theo quy định. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Văn hóa Xã hội. |
| 17 | Lao động, việc làm; cán bộ, công chức | Thông tin thị trường lao động theo pháp luật về việc làm; thông tin tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. | Điểm r khoản 1 Điều 17 Luật TCTT (phần tương ứng). | Đăng Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết đối với thông báo phải niêm yết. | Theo pháp luật chuyên ngành. | Phòng Văn hóa Xã hội. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Khoa học, công nghệ và lưu trữ | Danh mục, kết quả chương trình, đề tài khoa học; danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ thuộc diện phải công khai. | Điểm r khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; hoặc theo quy định pháp luật | Theo pháp luật chuyên ngành. | Văn phòng HĐND và UBND |
| 19 | Dịch vụ công và dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu | Quy trình, thời hạn, kết quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; dịch vụ công trực tuyến; thông tin bảo đảm chất lượng, mức độ phổ cập và khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. | Điểm s khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử, hệ thống cung cấp dịch vụ công; niêm yết tại Trung tâm Phục vụ HCC. | Cập nhật khi thay đổi; theo pháp luật chuyên ngành. | Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 20 | Chuyển đổi số | Kế hoạch chuyển đổi số được phê duyệt; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nền tảng số dùng chung; kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số thuộc phạm vi xã. | Điểm t khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; hoặc hình thức khác theo quy định. | Theo quy định về chuyển đổi số; cập nhật khi thay đổi. | Phòng Văn hóa Xã hội. |
| 21 | Danh mục thông tin phải công khai và đầu mối cung cấp thông tin | Danh mục thông tin phải được công khai; tên, địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử của đầu mối tiếp nhận yêu cầu; địa chỉ các kênh công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu. | Điểm u khoản 1 Điều 17 Luật TCTT; Nghị định 337/2026/NĐ-CP | Đăng Cổng thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết tại trụ sở và nơi tiếp nhận yêu cầu. | Cập nhật khi có thay đổi. | Văn phòng HĐND và UBND xã. |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Thông tin khác pháp luật quy định phải công khai | Thông tin khác do pháp luật quy định phải công khai trong phạm vi quản lý mà không thuộc các nhóm trên. | Điểm v khoản 1 Điều 17 Luật TCTT | Theo pháp luật chuyên ngành; nếu chưa quy định thì lựa chọn hình thức thuận tiện theo Luật TCTT. | Theo pháp luật chuyên ngành; nếu chưa quy định thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin. | Đơn vị tạo ra hoặc lưu giữ thông tin. |
| 23 | Thông tin chủ động công khai vì lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng | Thông tin khác do UBND xã tạo ra hoặc lưu giữ mà căn cứ điều kiện, khả năng thực tế xét thấy cần chủ động công khai để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng. | Khoản 2 Điều 17 Luật TCTT | Đăng Trang thông tin điện tử/kênh thông tin chính thức của UBND xã; niêm yết; thông báo tại địa bàn; hoặc theo quy định pháp luật. | Công khai kịp thời, phù hợp tính chất và mức độ cần thiết. | Đơn vị tạo ra hoặc lưu giữ thông tin. |

# PHỤ LỤC II

## DANH MỤC THÔNG TIN CÔNG DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN CÓ ĐIỀU KIỆN

*(Kèm theo Thông báo số 413 /TB-UBND ngày 31/8/2026 của UBND xã Hà Nam)*

| STT | Loại thông tin | Ví dụ hồ sơ, tài liệu tại xã | Điều kiện tiếp cận | Căn cứ pháp lý | Đơn vị chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân | Hồ sơ hộ tịch, chứng thực; đơn thư và hồ sơ hành chính khác có nội dung về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân | Được tiếp cận khi người có thông tin đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác | Khoản 1 Điều 16 Luật TCTT | Đơn vị đang quản lý hồ sơ |
| 2 | Bí mật gia đình | Hồ sơ, tài liệu do xã quản lý có nội dung thuộc bí mật gia đình | Được tiếp cận khi các thành viên gia đình có liên quan đến bí mật được yêu cầu tiếp cận đồng ý, theo quy định pháp luật | Khoản 1 Điều 16 Luật TCTT | Đơn vị đang quản lý hồ sơ |
| 3 | Dữ liệu cá nhân | Dữ liệu cá nhân trong hồ sơ cán bộ, công chức; hồ sơ chính sách, bảo trợ xã hội; hồ sơ đất đai, nhà ở; hồ sơ hành chính khác do xã quản lý | Thực hiện theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật chuyên ngành; không mặc nhiên coi sự đồng ý là căn cứ duy nhất trong mọi trường hợp | Khoản 1 Điều 16 Luật TCTT | Đơn vị đang quản lý dữ liệu/hồ sơ |
| 4 | Tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử | Tài liệu thuộc phạm vi lưu trữ lịch sử có quy định về điều kiện tiếp cận theo pháp luật về lưu trữ | Thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ | Khoản 3 Điều 16 Luật TCTT | Cơ quan, đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ theo thẩm quyền |
| 5 | Bí mật kinh doanh | Hồ sơ xã nắm giữ có nộid ung đáp ứng tiêu chí bí mật kinh doanh theo pháp luật về sở hữu trí tuệ | Được tiếp cận khi chủ sở hữu bí mật kinh doanh đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 | Khoản 2 và khoản 4 Điều 16 Luật TCTT | Đơn vị đang quản lý hồ sơ |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Tài liệu có cả phần được tiếp cận và phần không được/chưa đủ điều kiện tiếp cận | Hồ sơ, văn bản có nội dung hỗ hợp: một phần được cung cấp, một phần thuộc diện hạn chế hoặc chưa đủ điều kiện | Chỉ cung cấp phần được tiếp cận hoặc phần đã đáp ứng điều kiện | Điều 8 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP; Điều 15, Điều 16 Luật TCTT | Đơn vị đang quản lý hồ sơ |
| 7 | Cung cấp không cần sự đồng ý vì lợi ích công cộng, sức khoẻ cộng đồng | Trường hợp thật sự cần thiết phải cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình hoặc bí mất kinh doanh để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khoẻ cộng đồng. | Người đứng đầu cơ quan quyết định trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khi thật sự cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khoẻ cộng đồng theo pháp luật có liên quan; không cần sự đồng ý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 | Khoản 4 Điều 16 Luật TCTT | Chủ tịch UBND xã quyết định; Văn phòng HĐND và UBND chủ trì tham mưu; phòng chuyên môn phối hợp. |

Phụ lục I và Phụ lục II được rà soát, cập nhật khi có văn bản pháp luật mới hoặc khi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phạm vi thông tin do UBND xã tạo ra hoặc lưu giữ có thay đổi. Danh mục thông tin phải được công khai đối với từng văn bản, hồ sơ, tài liệu cụ thể được Văn phòng HĐND và UBND xã cập nhật thường xuyên theo Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP và đăng tải trên Chuyên mục về tiếp cận thông tin của xã./.